

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THÀNH PHỐ TN Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Án số: 121/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 30/12/2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊNH PHỐ TN, TỈNH TN

Với tH1nh phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: ông Đồng Huy Hưởng

Các hội thẩm nhân dân: ông Lê Văn Ninh, ông Trương Bế Thiện

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: bà Hoàng Thị Hoài - Thư ký Tòa án nhân dân tH1nh phố TN.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tH1nh phố TN: bà Hoàng Thị Diệu Ngọc – Kiểm sát viên.

Ngày 30/12/2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tH1nh phố TN xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số: 247/2021/TLST- HNGĐ ngày 13 tháng 4 năm 2021, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 117/2021/QĐXXST -HNGĐ ngày 25/11/2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: anh Nguyễn Quang H, sinh năm 1978

Địa chỉ: tổ 15 (Nay là tổ 10), phường Tân Thịnh, tH1nh phố TN, tỉnh Tn
(Có đơn xin xét xử vắng mặt)

Bị đơn: chị Hoàng Thùy D, sinh năm 1988

Địa chỉ: tổ 15(Nay là tổ 10), phường Tân Thịnh, tH1nh phố TN, tỉnh Tn
(Vắng mặt)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập: chị Nguyễn Thị Minh L, sinh năm 1977

Địa chỉ: tổ 8, phường Hoàng Văn Thụ, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên
(Có đơn xin xét xử vắng mặt)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Anh Nguyễn Minh T, sinh năm 1981, chị Vương Thị P, sinh năm 1982

Địa chỉ: tổ 10, phường Đồng Quang, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên
(Vắng mặt)

- Chị Chu Thị H1, sinh năm 1987, chị Vương Thị P, sinh năm 1982

Địa chỉ: tổ 18, phường Phan Đình Phùng, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Tn
(Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ly hôn, bản tự khai và các văn bản khác do Tòa án lập anh Nguyễn Quang H trình bày:

1. Về quan hệ vợ chồng: Tôi với chị Hoàng Thùy D tự nguyện kết hôn, đăng ký kết hôn ngày 29/10/2010 tại UBND xã Tân Thái, huyện Đ, tỉnh TN. Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống với nhau tình cảm hòa thuận được một thời gian thì xảy ra những mâu thuẫn do hai người không hòa hợp được với nhau luôn bất đồng quan điểm. Hai người đã ly thân từ tháng 02 năm 2021 đến nay. Nay tôi thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, tình trạng hôn nhân không thể kéo dài tôi đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn chị D.

2. Về con chung: có 02 con là Nguyễn Hoàng Thùy D1, sinh ngày 03/12/2010 và Nguyễn Hoàng Hồng N, sinh ngày 27/01/2014, Hai bên thỏa thuận tôi được trực tiếp nuôi con là Nguyễn Hoàng Hồng N, chị D trực tiếp nuôi con là Nguyễn Hoàng Thùy D1;

3. Về tài sản chung: không có;

4. Về công nợ chung: Sau khi Tòa án nhân tH1nh phố TN thụ lý giải quyết vụ án chị L đã có đơn đề nghị giải quyết số tiền 1.856.000.000 đồng ghi ngày 28/3/2020. Thực tế ngày hôm đó chị L không cho vay mà chỉ là chị D tự viết giấy vay tiền bảo tôi ký vào. Nay chị L yêu cầu trả nợ tôi không đồng ý. Còn chị D có vay thì chị D đi mà trả chị L.

☐ kiến của chị Hoàng Thùy D trình bày:

1. Về quan hệ vợ chồng: Tôi với chị Hoàng Thùy D tự nguyện kết hôn, đăng ký kết hôn ngày 29/10/2010 tại UBND xã Tân Thái, huyện Đ, tỉnh TN. Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống với nhau tình cảm hòa thuận được một thời gian, sau 10 năm chung sống đến tháng 3 năm 2021 vợ chồng làm ăn bị phá sản dẫn đến bất đồng quan điểm về tiền bạc, còn tình cảm của tôi vẫn còn, anh H làm đơn ly hôn tôi không đồng ý, mong được đoàn tụ để cho con có đầy đủ cha mẹ.

2. Về con chung: có 02 con là Nguyễn Hoàng Thùy D1, sinh ngày 03/12/2010 và Nguyễn Hoàng Hồng N, sinh ngày 27/01/2014, tôi đề nghị được trực tiếp nuôi cả 02 con và yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con 4.000.000 đồng/con/tháng;

3. Về tài sản chung: đã bán hết không còn.

4. Về công nợ chung:

- Vay của chị Nguyễn Thị Minh L, sinh năm 1977 ở tổ 8, phường Hoàng Văn Thụ, thành phố Tn số tiền: 1.856.000.000 đồng;

- Chị Chu Thị H1, sinh năm 1987 ở tổ 18, phường Phan Đình Phùng, thành phố Tn số tiền: 500.000.000 đồng;

- Chị Vương Thị P, sinh năm 1982, anh Nguyễn Minh T, sinh năm 1981 ở tổ 10, phường Đồng Quang, thành phố Tn số tiền: 350.000.000 đồng.

Tôi đề nghị Tòa án giải quyết vấn đề ly hôn và số nợ chung của hai vợ chồng trong cùng một vụ án.

☐ kiến của chị Nguyễn Thị Minh L trình bày:

Tôi với vợ chồng anh Nguyễn Quang H, chị Hoàng Thùy D là chỗ quan hệ bạn bè thân thiết. Ngày 28/3/2020 tôi cho vợ chồng anh Nguyễn Quang H, chị

Hoàng Thùy D vay số tiền 1.856.000.000 đồng, thời hạn vay đến ngày 28/6/2020, lãi suất thỏa thuận là 18.500.000 đồng/tháng.

Khi vay tiền của tôi anh chị H D có hứa đến ngày 28/6/2020 sẽ hoàn trả lại cho tôi toàn bộ số tiền gốc và lãi. NH đến hạn tôi đòi thì vợ chồng anh H chị D khất lần và cho đến nay họ vẫn chưa trả.

Nay vợ chồng anh H chị D làm thủ tục ly hôn và phân chia tài sản, tôi đề nghị Tòa án giải quyết số tiền nợ trên trước khi Tòa án cho họ ly hôn.

Toà án đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhiều lần để các đương sự quay về đoàn tụ nh- ng anh H vẫn giữ nguyên quan điểm của mình đề nghị được ly hôn, còn chị D không đồng ý, vì vậy vụ án phải đưa ra xét xử công khai.

Tại phiên tòa nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập có đơn xin xét xử vắng mặt và rút toàn bộ yêu cầu độc lập; Bị đơn đã tổng đạt hợp lệ vắng mặt.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tH1nh phố TN tại phiên tòa: Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã chấp H1nh đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, xác định đúng tư cách người tham gia tố tụng;

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Quang H:

1. Về quan hệ hôn nhân: cho anh Nguyễn Quang H ly hôn với chị Hoàng Thùy D;

2. Về con chung: anh Nguyễn Quang H trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con là Nguyễn Hoàng Hồng N, sinh ngày 27/01/2014; chị Hoàng Thùy D trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con là Nguyễn Hoàng Thùy D1, sinh ngày 03/12/2010 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác. Anh H, chị D được quyền đi lại thăm nom con chung mà không ai được quyền cản trở;

3. Về tài sản chung: không có.

4. Về công nợ chung: chấp nhận yêu cầu của Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập có đơn xin rút toàn bộ yêu cầu độc lập. Đình chỉ việc giải quyết theo yêu cầu độc lập.

5. Về án phí và quyền kháng cáo: anh H phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

1.1. Anh Nguyễn Quang H yêu cầu giải quyết ly hôn chị Hoàng Thùy D, nên xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung” tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Khi tranh chấp chị Hoàng Thùy D là

Bị đơn có nơi cư trú tại tổ 15 (Nay là tổ 10), phường Tân Thịnh, thành phố TN, tỉnh TN nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố TN theo quy định tại Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự;

1.2. Nguyên đơn; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập có đơn xin xét xử vắng mặt; Bị đơn đã được tổng đạt hợp lệ đến lần thứ hai vẫn vắng mặt. Căn cứ Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2]. Về nội dung tranh chấp: Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời khai của các bên đương sự thấy:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: anh Nguyễn Quang H với chị Hoàng Thùy D tự nguyện kết hôn, đăng ký kết hôn ngày 29/10/2010 tại UBND xã Tân Thái, huyện Đ, tỉnh TN. Do vậy, cuộc hôn nhân giữa anh Nguyễn Quang H với chị Hoàng Thùy D là hợp pháp.

Theo anh Nguyễn Quang H: Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống với nhau tình cảm hòa thuận được một thời gian thì xảy ra những mâu thuẫn do hai người không hòa hợp được với nhau luôn bất đồng quan điểm. Hai người đã ly thân từ tháng 02 năm 2021 đến nay. Nay anh thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, tình trạng hôn nhân không thể kéo dài anh đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn chị D.

Theo chị Hoàng Thùy D trình bày: Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống với nhau tình cảm hòa thuận được một thời gian, sau 10 năm chung sống đến tháng 3 năm 2021 vợ chồng làm ăn bị phá sản dẫn đến bất đồng quan điểm về tiền bạc, còn tình cảm của chị vẫn còn, anh H làm đơn ly hôn chị không đồng ý, mong được đoàn tụ để cho con có đầy đủ cha mẹ.

Trong quá trình giải quyết Tòa án đã tiến hành hòa giải nhiều lần để cho hai anh chị quay về đoàn tụ nhưng không thành. Chị D không muốn ly hôn nhưng chị không có phương án nào đưa ra khắc phục để anh H rút đơn ly hôn, quay về đoàn tụ.

Hội đồng xét xử xét thấy tình cảm giữa anh H, chị D không còn, tình trạng hôn nhân không thể kéo dài việc anh H có nguyện vọng được ly hôn là chính đáng nên cần chấp nhận để anh sớm ổn định cuộc sống;

2.2. Về con chung: anh H, chị D có 02 con là Nguyễn Hoàng Thùy D1, sinh ngày 03/12/2010 và Nguyễn Hoàng Hồng N, sinh ngày 27/01/2014.

Theo anh H trình bày: Hai bên thỏa thuận anh được trực tiếp nuôi con là Nguyễn Hoàng Hồng N, chị D trực tiếp nuôi con là Nguyễn Hoàng Thùy D1;

Theo chị D trình bày: chị đề nghị được trực tiếp nuôi cả 02 con.

Về ý kiến của hai cháu:

- Cháu Nguyễn Hoàng Thùy D1, sinh ngày 03/12/2010 có ý kiến là khi bố mẹ không hòa giải để về đoàn tụ với nhau mà phải ly hôn thì nguyện vọng của cháu là được ở với mẹ;

- Cháu Nguyễn Hoàng Hồng N, sinh ngày 27/01/2014 có ý kiến là khi bố mẹ không hòa giải để về đoàn tụ với nhau mà phải ly hôn thì nguyện vọng của cháu là được ở với bố.

Hội đồng xét xử xét thấy nguyện vọng của hai cháu đã lựa chọn là phù hợp nên cần chấp nhận để anh Nguyễn Quang H trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con là Nguyễn Hoàng Hồng N; chị Hoàng Thùy D trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con là Nguyễn Hoàng Thùy D1 theo đúng nguyện vọng của các cháu.

2.3. Về tài sản chung: không có;

2.4. Về công nợ chung:

- Theo chị Hoàng Thùy D trình bày: Vay của chị Nguyễn Thị Minh L, sinh năm 1977 ở tổ 8, phường Hoàng Văn Thụ, thành phố Tn số tiền: 1.856.000.000 đồng; Chị Chu Thị H1, sinh năm 1987 ở tổ 18, phường Phan Đình Phùng, thành phố Tn số tiền: 500.000.000 đồng; Chị Vương Thị P, sinh năm 1982, anh Nguyễn Minh T, sinh năm 1981 ở tổ 10, phường Đồng Quang, thành phố Tn số tiền: 350.000.000 đồng;

- Theo anh Nguyễn Quang H trình bày: chị L đã có đơn đề nghị giải quyết số tiền 1.856.000.000 đồng ghi ngày 28/3/2020. Thực tế ngày hôm đó chị L không cho vay mà chỉ là chị D tự viết giấy vay tiền bảo anh ký vào. Nay chị L yêu cầu trả nợ anh không đồng ý;

- Theo chị Nguyễn Thị Minh L là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập trình bày: ngày 28/3/2020 chị cho vợ chồng anh Nguyễn Quang H, chị Hoàng Thùy D vay số tiền 1.856.000.000 đồng, thời hạn vay đến ngày 28/6/2020, lãi suất thỏa thuận là 18.500.000 đồng/tháng.

Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã triệu tập các đương sự có liên quan đến các khoản nợ mà chị D yêu cầu thì anh Nguyễn Minh T, chị Vương Thị P, chị Chu Thị H1 đã có đơn đề nghị không yêu cầu Tòa án giải quyết khoản nợ trên nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với yêu cầu của chị Nguyễn Thị Minh L: sau khi Tòa án đưa vụ án ra xét xử, chị L đã có đơn đề nghị rút toàn bộ yêu cầu độc lập nên Hội đồng xét xử đình chỉ việc yêu cầu độc lập này.

Còn yêu cầu của chị Hoàng Thùy D về phần nợ chung thì chị không cung cấp tài liệu, chứng cứ và cũng không có mặt tại phiên tòa nên không có căn cứ để xem xét. Chị D có quyền yêu cầu giải quyết trong một vụ án khác.

[3]. Về án phí và quyền kháng cáo: anh H phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm; các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

□p dụng các Điều 28, 35, 39, 146, 147, 228, 235, 271 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Các Điều 51, 55, 57, 59, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Tuyên xử: chấp nhận yêu cầu của anh Nguyễn Quang H:

1. Về quan hệ hôn nhân: cho anh Nguyễn Quang H ly hôn với chị Hoàng Thùy D;

2. Về con chung: anh Nguyễn Quang H trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con là Nguyễn Hoàng Hồng N, sinh ngày 27/01/2014; chị Hoàng Thùy D trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con là Nguyễn Hoàng Thùy D1, sinh ngày 03/12/2010 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác. Anh H, chị D được quyền đi lại thăm nom con chung mà không ai được quyền cản trở;

3. Về tài sản chung: không có.

4. Đình chỉ việc yêu cầu độc lập cầu của chị Nguyễn Thị Minh L về việc đòi nợ đối với anh Nguyễn Quang H, chị Hoàng Thùy D.

5. Về án phí: anh Nguyễn Quang H phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thái Nguyên (biên lai số 0000448 ngày 13/4/2021).

Hoàn trả lại chị Nguyễn Thị Minh L 33.840.000 đồng (Ba mươi ba triệu, tám trăm bốn mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí chị đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tn (biên lai số 0004944 ngày 23/6/2021).

6. Quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TN;
- VKSNDTPTN;
- THADSTPTN;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án./.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đồng Huy Hưởng